

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MS
TỈNH SƠN LA

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 32/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 09-6-2023

V/v xin ly hôn giữa chị H và anh Đ

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MS, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội Đ xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tráng A Tênh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Việt

2. Ông Hà Văn Sơ

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La;

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS tham gia phiên tòa: Bà Sa Hoàng Nhật Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện MS xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2023/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2023 về việc xin ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 34/2023/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị H, sinh năm 1985. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản NB, xã CS, huyện MS, tỉnh Sơn La. Có mặt.

Bị đơn: Anh Đỗ Đắc Đ, sinh năm 1979. Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Bản NB, xã CS, huyện MS, tỉnh Sơn La. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 3 năm 2023 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Hoàng Thị H trình bày như sau:

Chị và anh Đỗ Đắc Đ kết hôn với nhau từ năm 2004 do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn tại UBND xã CS, huyện MS, tỉnh Sơn La theo quy định và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2004. Anh chị đã được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn chung sống hòa thuận H phúc đến năm 2019 thì có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn chính là do vợ chồng không H phúc, càng ngày càng không còn tình cảm. Mâu thuẫn giữa hai anh chị đã được gia đình hai bên hòa giải cho nhưng không thành. Chị xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh Đ nữa nên đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với anh Đ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Cường Th, sinh ngày 06/7/2005 và cháu Đỗ Quang M sinh ngày 11/6/2011. Nếu anh Đ nhận trực tiếp

nuôi dưỡng các con khi vợ chồng ly hôn thì chị cũng nhất trí. Các con có nguyện vọng ở cùng ai thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung vợ chồng: Không có.

Do anh Đ không có mặt làm việc nên chị đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và xét xử theo quy định.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 06/4/2023, bị đơn anh Đỗ Đắc Đ có ý kiến như sau:

Anh và chị H kết hôn với nhau từ năm 2004, do cả hai cùng tự nguyện. Anh chị có đi đăng ký kết hôn theo quy định và đã được UBND xã CS, MS, Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn nhưng do thời gian đã lâu nên anh không nhớ ngày đăng ký kết hôn. Anh chị có được gia đình hai bên tổ chức cưới hỏi cho theo phong tục tập quán. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống hòa thuận H phúc không có mâu thuẫn gì lớn. Việc chị H có yêu cầu xin ly hôn với anh, anh không Đ ý ly hôn vì còn rất yêu thương vợ.

Về con chung: Anh chị có 02 con chung là cháu Đỗ Cường Th, sinh ngày 06/7/2005 và cháu Đỗ Quang M sinh ngày 11/6/2011. Các cháu muốn ở cùng với ai khi bố mẹ ly hôn thì người đó có trách nhiệm nuôi dưỡng con.

Về tài sản chung, nợ chung: Anh không nhất trí ly hôn với chị H nên không có ý kiến đề nghị gì về tài sản chung, nợ chung vợ chồng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác M về nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng, con chung, tài sản chung và nợ chung vợ chồng của chị H, anh Đ tại địa phương nơi anh chị cư trú. Qua xác M xác định: Quá trình sinh sống tại địa phương, chị H và anh Đ không có mâu thuẫn gì lớn, tổ hòa giải của bản cũng chưa nhận được đề nghị hòa giải mâu thuẫn vợ chồng giữa anh chị lần nào. Chị H, anh Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Cường Th sinh năm 2005 và cháu Đỗ Quang M sinh năm 2011. Cả hai anh chị đều có đủ điều kiện để nuôi con chung. Từ khi kết hôn anh chị sống cùng với mẹ đẻ của anh Đ ở bản Hòa Bình (nay là bản Nong Bình), xã CS.

Do các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án nên vụ án được đưa ra xét xử theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện MS, tỉnh Sơn La phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội Đ xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội Đ xét xử nghị án và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội Đ xét xử trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội Đ xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật.

- Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa ngày hôm nay nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Bị đơn không có mặt theo triệu tập của Tòa án.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét tất cả các ý kiến của những người tham gia phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội Đ xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 81,

Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 147; Điều 266 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án, tuyên xử theo hướng:

Về hôn nhân: Xử cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Đỗ Đắc Đ.

Về con chung: Giao cháu Đỗ Cường Th, sinh ngày 06/7/2005 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng. Giao cháu Đỗ Quang M sinh ngày 11/6/2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu Th, M thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị H, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, nợ chung vợ chồng: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội Đ xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Xét yêu cầu khởi kiện được xác định trong đơn khởi kiện và lời khai của chị Hoàng Thị H về việc xin ly hôn với anh Đỗ Đắc Đ. Anh Đ có hộ khẩu thường trú tại bản Nong Bình, xã CS, MS, Sơn La. Chị H đề nghị Tòa án giải quyết các vấn đề liên quan đến ly hôn, con chung của vợ chồng. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện MS thụ lý vụ án hôn nhân gia đình và xác định quan hệ tranh chấp là xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung là đúng quy định của pháp luật.

[1.2] Về sự có mặt của các đương sự: Bị đơn anh Đỗ Đắc Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vắng mặt không có lý do. Nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp với quy định tại điểm b khoản 2 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về yêu cầu xin ly hôn:

[2.1] Về hôn nhân:

Chị Hoàng Thị H và anh Đỗ Đắc Đ tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2004. Anh chị đã được UBND xã CS, huyện MS, tỉnh Sơn La cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 15/11/2004 (số 93). Khi kết hôn hai bên đủ điều kiện kết hôn theo quy định của pháp luật, do đó anh chị là vợ chồng hợp pháp. Sau khi kết hôn hai anh, chị chung sống hòa thuận, H phúc đến năm 2019 thì phát sinh mâu thuẫn.

Chị H cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không còn tình cảm, gia đình không hòa thuận nên cuộc sống chung không H phúc.

Anh Đ cho rằng vợ chồng anh chị không có mâu thuẫn, anh rất yêu thương vợ.

Hội Đ xét xử xét thấy: Tại phiên tòa chị H giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Trong quá trình Tòa án giải quyết yêu cầu xin ly hôn của chị H anh Đ không có mặt để làm việc theo triệu tập của Tòa án để tiến hành việc hòa giải theo

quy định. Ngoài ý kiến đưa ra trong biên bản lấy lời khai, anh Đ cũng không đưa ra được phương án hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị H. Xét tình trạng hôn nhân giữa hai anh chị đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó cần căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, cho ly hôn giữa chị H và anh Đ.

[2.2] *Về con chung*: Chị H và anh Đ có 02 con chung là cháu Đỗ Cường Th, sinh ngày 06/7/2005 và cháu Đỗ Quang M sinh ngày 11/6/2011. Cả hai con chung có nguyện vọng được sống cả bố và mẹ. Qua xác M tại chính quyền địa phương nơi cư trú, cả chị H và anh Đ đều có đủ điều kiện nuôi con chung. Anh chị không có tranh chấp về quyền nuôi dưỡng con chung. Xét ý kiến của chị H tại phiên tòa và để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên của vợ chồng khi ly hôn, Hội Đ xét xử giao cháu Đỗ Quang M sinh ngày 11/6/2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Cường Th, sinh ngày 06/7/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu Th, M thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị H, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

[2.3] *Về tài sản chung*: Từ khi kết hôn anh chị sống cùng mẹ đẻ anh Đ là bà Khổng Thị Thực tại bản Nong Bình, xã CS. Trong quá trình giải quyết vụ án, chị H, anh Đ không đề nghị Tòa án giải quyết về tài sản chung vợ chồng. Vì vậy, Hội Đ xét xử không xem xét, giải quyết trong vụ án này và không đưa bà Khổng Thị Thực vào tham gia tố tụng. Nếu sau này có phát sinh tranh chấp về tài sản chung và có người khởi kiện thì sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4] *Về nợ chung vợ chồng*: Không có.

[2.5] *Về án phí*: Chị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 2 Điều 228, các Điều 147, 266, 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;
- Các Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Hoàng Thị H và anh Đỗ Đắc Đ.

2. Về con chung:

Giao cháu Đỗ Cường Th, sinh ngày 06/7/2005 cho chị Hoàng Thị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Đỗ Quang M sinh ngày 11/6/2011 cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi các cháu Th, M thành niên (đủ 18 tuổi) và có khả năng lao động. Chị H, anh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Sau khi ly hôn, chị H, anh Đ được quyền thăm nom con, không ai được cản trở chị H, anh Đ được thực hiện quyền này theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu xem xét giải quyết trong vụ án.

4. Về nợ chung: Không có

5. Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000VNĐ được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0003111 ngày 16/3/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện MS, tỉnh Sơn La.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Sơn La;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện MS;
- Chi cục THADS huyện MS;
- UBND xã CS ;
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**T/M HỘI Đ XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tráng A Tếnh